TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày 07-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đao Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng Khoa Lồng

Ông Nguyễn Khắc Thiện

- Thư ký phiên tòa: ông Quàng Văn Long – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đỗ - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2026 tại trụ sở Nhà văn hoá bản HS 1, xã N4, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2026/TLST-HS ngày 08/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-HS ngày 25/6/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tô Thị Q (Tên gọi khác: Không có tên gọi khác); Sinh ngày 06/3/1977 tại tỉnh Thanh Hoá; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Vũ O, sinh năm 194x và bà Tô Thị Tr, sinh năm 194x; Có chồng là Phạm Hồng Th1, sinh năm 197x (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Toà án kết tội; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2026 đến ngày 26/01/2026, được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh từ ngày 27/01/2026 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Th (Tên gọi khác: Không có tên gọi khác); Sinh ngày 10/02/1973 tại tỉnh Thanh Hoá; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Q, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Uông Thị N2 (đã chết); Có chồng là Tô Ngọc Ch, sinh năm 1973 và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Toà án kết tội; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2026 đến ngày 26/01/2026, được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh từ ngày 27/01/2026 cho đến nay. Có mặt.

- Các bị hại:

(1) Chị Lò Thị Th1, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Thôn Cộng Hoà, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(2) Ông Chu Văn B, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Tổ 3, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(3) Bà Hoàng Tuyết B2, sinh năm: 1975, nơi cư trú: Tổ 4, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(4) Ông Phạm Thành L1, sinh năm: 1983, nơi cư trú: Tổ 4, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(5) Chị Trần Thị L2, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Tổ 2, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(6) Chị Lê Thị G, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Tổ 5, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(7) Ông Bùi Văn Th3, sinh năm: 1947, nơi cư trú: Tổ 9, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(8) Chị Vũ Hồng T1, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Tổ 5, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(9) Chị Bùi Thị Anh, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Tổ 8, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(10) Ông Lương Đình T2, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(11) Ông Trần Huy H1, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Bản Huổi Phạ, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(12) Ông Trần Bá U, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Tổ 11, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(13) Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Tổ 9, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(14) Bà Nguyễn Thị Tuyết M sinh năm: 1970, nơi cư trú: Tổ 10, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(15) Bà Phạm Thị H2, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(16) Anh Trần Văn H3, sinh năm: 1976, nơi cư trú: Tổ 10, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(17) Chị Dương Thị H4, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Tổ 7, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(18) Bà Cao Thị Đ, sinh năm: 1970, nơi cư trú: Tổ 7, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(19) Chị Đinh Thị Th9, sinh năm:1988, nơi cư trú: Tổ 9, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(20) Ông Phùng Việt H5, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Tổ 6, xã N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(21) Bà Đinh Thị Thu H6, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Tổ 6, xã N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(22) Ông Nguyễn Quang H7, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Tổ 4, xã N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(23) Chị Trịnh Thị Th5, sinh năm: 1992, nơi cư trú: Bản Nà Hỳ 2, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(24) Ông Trịnh Hoàng Th6, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Tổ 2, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(25) Bà Mai Việt Hà, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Tổ 11, xã N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(26) Chị Kháng Mai Th7, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Tổ 4, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

(1) Trung tâm dạy nghề VAIDE thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp Thương binh và người khuyết tật Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: Số 18 LK6 Khu Dọc Bún 1, Khu đô thị V, phường H, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật là bà: Triệu Thị H8, sinh năm 1972. Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(2) Anh Nguyễn Đình N3, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn X 3, xã H9, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2025 Công an xã N4, tỉnh Điện Biên tiếp nhận nguồn tin trình báo của chị Trịnh Thị Th2, sinh năm 1992, nơi cư trú: Bản N5, xã N6, tỉnh Điện Biên về việc: Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày phát hiện Tô Thị Q và Nguyễn Thị Th đến trụ sở Đảng uỷ xã N4, tỉnh Điện Biên kêu gọi ủng hộ cho Trung tâm dạy nghề VAIDE thuộc Hiệp hội doanh nghiệp của Thương binh và người khuyết tật Việt Nam và đã nhận ủng hộ từ các cá nhân gồm: ông Trịnh Hoàng Th6 số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, bà Kháng Mai Th7 số tiền 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*, chị Trịnh Thị Thuỷ số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* nhưng có dấu hiệu lừa đảo vì nhận tiền ủng hộ bằng số tài khoản cá nhân. Công an xã N đã thụ lý giải quyết tin báo và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên để tiến hành xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra đã xác định:

Ngày 26/9/2025 Tô Thị Q được nhận làm công tác viên tại Trung tâm dạy nghề VAIDE - Trung tâm có chức năng chính là hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho thương binh, người khuyết tật, con em gia đình chính sách. Q được Trung tâm cấp cho Thẻ công tác, giấy giới thiệu, công văn kêu gọi, 01 *(một)* quyển phiếu thu cùng 1000 *(một nghìn)* gói tăm nhỏ để đến tỉnh Điện Biên giới thiệu sản phẩm và kêu gọi ủng hộ kinh phí cho hoạt động của trung tâm. Q đã tự chuẩn bị và mang theo một quyển Album ảnh trẻ em khuyết tật đã sưu tầm với các nội dung thuyết minh "TRẺ EM DỊ TẬT DO NHIỄM CHẤT ĐỘC DA CAM, *nỗi đau không của riêng*

ai", "*nỗi đau những đứa trẻ không may mắn*" để thuận lợi trong việc vận động tiền từ thiện. Đồng thời Q còn nhập thêm bút bi, thước nhựa để mang theo bán kiếm lời cho cá nhân. Trên thực tế Trung tâm dạy nghề VAIDE không có chức năng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em khuyết tật, không nuôi dưỡng, chăm sóc thương bệnh binh và con em của họ.

Ngày 14/12/2025 Q đi xe khách một mình từ Hà Nội lên đến Điện Biên, sau đó đến một quán photo (không rõ địa chỉ cụ thể) ở phường Điện Biên Phủ làm một quyển sổ ghi chép cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức ghi nội dung số tiền ủng hộ, có xác nhận, chữ ký, dấu của cá nhân, cơ quan, đơn vị ủng hộ để tạo sự tin tưởng. Ngày 15/12/2025 Q một mình đi xe máy biển kiểm soát 99C1- 432.99 đến Ủy ban nhân dân xã Th8, giới thiệu bản thân là cán bộ của Trung tâm dạy nghề VAIDE, được trung tâm giao nhiệm vụ đến địa bàn tỉnh Điện Biên để kêu gọi tiền ủng hộ cho các cháu, trẻ em khuyết tật đang được trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc có được mâm cơm ăn tết, Q đưa ra giấy tờ (do trung tâm cấp) và Album ảnh trẻ khuyết tật, sổ ghi chép người ủng hộ (do Q tự chuẩn bị) để tạo lòng tin, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Lò Thị Th2 số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền mặt và chiếm đoạt của anh Chu Văn B số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền mặt. Tổng số tiền mà Tô Thị Q thực hiện hành vi lừa đảo độc lập là: 1.000.000đ *(một triệu đồng)*.

Ngày 20/12/2025 Tô Thị Q gọi điện rủ Nguyễn Thị Th cùng đi lên Điện Biên để tham gia kêu gọi từ thiện và Th đồng ý. Ngày 22/12/2025 Th bắt xe khách từ tỉnh Thanh Hóa lên tỉnh Điện Biên. Từ ngày 22/12/2025 đến ngày 26/12/2025 Tô Thị Q và Nguyễn Thị Th đã cùng nhau dùng thủ đoạn lợi dụng danh nghĩa Trung tâm dạy nghề VAIDE, đưa ra những thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tiền của 24 *(Hai mươi bốn)* cá nhân trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể:

(1) Chiếm đoạt của bà Hoàng Tuyết B2 số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, tiền mặt;

(2) Chiếm đoạt của ông Phạm Thành L1 số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, tiền mặt;

(3) Chiếm đoạt của chị Trần Thị L2, số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)*, tiền mặt;

(4) Chiếm đoạt của chị Lê Thị G, số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)*, chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

(5) Chiếm đoạt của ông Bùi Văn Th3, số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tiền mặt;

(6) Chiếm đoạt của chị Vũ Hồng T1, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền mặt;

(7) Chiếm đoạt của bà Bùi Thị Anh, số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*, tiền mặt;

(8) Chiếm đoạt của ông Lương Đình T2, số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng) tiền mặt;

(9) Chiếm đoạt của ông Trần Huy H1 số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền mặt;

(10) Chiếm đoạt của ông Trần Bá U số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền mặt;

(11) Chiếm đoạt của bà Lê Thị Hồng D, số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền mặt;

(12) Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

(13) Chiếm đoạt của bà Phạm Thị H2, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền mặt;

(14) Chiếm đoạt của ông Trần Văn H3, số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền mặt;

(15) Chiếm đoạt của bà Dương Thị H4, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

(16) Chiếm đoạt của bà Cao Thị Đ, số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

(17) Chiếm đoạt của bà Đinh Thị Th9, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

(18) Chiếm đoạt của ông Phùng Việt H5, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), tiền mặt;

(19) Chiếm đoạt của bà Đinh Thị Thu H6, số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

(20) Chiếm đoạt của ông Nguyễn Quang H7, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), tiền mặt;

(21) Chiếm đoạt của chị Trịnh Thị Th5, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn) đồng, chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

(22) Chiếm đoạt của ông Trịnh Hoàng Th6 số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), tiền mặt;

(23) Chiếm đoạt của chị Mai Việt H4, số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền mặt;

(24) Chiếm đoạt của chị Kháng Mai Th7, số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cá nhân của Th;

Tổng số tiền Tô Thị Q và Nguyễn Thị Th cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt được của 24 bị hại trên là: 20.300.000đ *(Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng)*. Sau khi chiếm đoạt các bị cáo đã tiêu xài cá nhân, còn lại trong tài khoản của Th 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng),* trong tài khoản của Q: 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)* và tiền mặt thu giữ được là 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng)*.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ trong vụ án gồm:

(1) 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359186071882819 tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Th;

(2) 01*(một)* Căn cước công dân mang tên Tô Thị Q, số CCCD: 038177029707 cấp ngày 15/02/2023, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH;

(3) 01 *(một)* điện thoại di động loại Iphone 7Plus, số IMEI: 355349080986005

thu giữ của Tô Thị Q;

(4) Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành số tiền 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn đồng) thu giữ của Tô Thị Q;

(5) 02 *(hai)* thẻ công tác mang tên Tô Thị Q; 01 (một) giấy giới thiệu; 02 (hai) Công văn số 01/2025/TT-VAIDE; 01 (một) tập phiếu thu tất cả do Trung tâm dạy nghề VAIDE cấp;

(6) 01 *(một)* sổ ghi chép có bìa màu đỏ, ghi chép tên, địa chỉ, số tiền người ủng hộ;

(7) 01 *(một)* tập có bìa màu vàng, bên trong có 04 (*bốn*) bản ảnh khổ A4, mô tả hình ảnh của các trẻ em bị khuyết tật;

(8) 07 *(bảy)* bản ảnh lịch kích thước 45cm x 30cm;

(9) 14 *(mười bốn)* chiếc bút bi hãng Thiên Long;

(10) 14 *(mười bốn)* chiếc thước nhựa màu xanh, dài 25cm;

(11) Số tiền 11.660.171đ (*Mười một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm bảy mươi mốt đồng)* trong tài khoản số 3519205153896 thuộc ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thông Việt Nam của bị cáo Nguyễn Thị Th trong đó có 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* liên quan đến hành vi phạm tội. Hiện đang được phong tỏa theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 190/LPT-CSHS ngày 23/01/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên.

(12) Số tiền 11.099.396đ (*Mười một triệu không trăm chín mươi chín nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng)* trong tài khoản số 00004212437 thuộc ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong của bị cáo Tô Thị Q, trong đó có 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)* liên quan đến hành vi phạm tội. Hiện đang được phong tỏa theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 189/LPT – CSHS ngày 23/01/2026 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên;

(13) 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE Alpha màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 99C1-432.99, số khung 3915LY009278, số máy JA39E1340537, kèm theo đăng ký xe mang tên Nguyễn Đình Đôn, chìa khóa xe máy, thu giữ của Tô Thị Q.

Ngày 12/01/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định trưng cầu giám định số 248/QĐ-CSHS, Giám định Tiền đối với số tiền 2.900.000 đồng *(Hai triệu chín trăm nghìn đồng)* là tiền tạm giữ của bị cáo Tô Thị Q. Ngày 16/01/2026 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên ra Kết luận giám định số 130/KL-KTHS kết luận: Số tiền 2.900.000đ *(Hai triệu chín trăm nghìn đồng)* giám định là tiền thật.

Ngày 12/01/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định trưng cầu giám định số 249/QĐ-CSHS, Giám định Kỹ thuật số, điện tử đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus của bị cáo Tô Thị Q và Nguyễn Thị Th. Ngày 26/01/2026 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên ra Kết luận giám định số 103/KL-KTHS kết luận:

+ Điện thoại di động của bị cáo Tô Thị Q phục hồi, trích xuất được 73 cuộc gọi; 243 tin nhắn SMS; 61.097 tin nhắn Messenger; 3.118 tin nhắn Zalo; 13.434 tệp tin hình ảnh; 295 tệp tin video; 595 tệp tin âm thanh lưu trữ.

+ Điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Thị Th phục hồi, trích xuất được 178 cuộc gọi; 1.094 tin nhắn SMS; 7.411 tin nhắn Zalo; 7.319 tệp tin hình ảnh; 671 tệp tin video; 185 tệp tin âm thanh.

Ngày 09/3/2026 các bị cáo đã tự nguyện nộp mỗi người 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* vào tài khoản tạm gửi của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Điện Biên để khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSKV4 ngày 06/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha biển kiểm soát 99C1- 432.99, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định xử lý vật chứng số: 2862/QĐ-CSHS ngày 30/3/2026 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Đình N3.

Trước khi mở phiên toà, bị cáo Tô Thị Q đã tự nguyện bồi thường lại số tiền chiếm đoạt 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng)* cho bị hại Lò Thị Thuỷ và 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* cho bị hại Chu Văn B.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, Điều 36, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo Tô Thị Q với mức hình phạt từ từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th với mức hình phạt từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (Hai) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số IMEI: 359186071882819 của bị cáo Nguyễn Thị Th và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số IMEI: 355349080986005 của bị cáo Tô Thị Q**,** là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

-Trả lại cho bị cáo Tô Thị Q 01 Căn cước công dân số 038177029707 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 07 ảnh lịch, 14 bút bi hãng Thiên Long và 14 thước nhựa màu xanh dài 25 cm là tài sản của bị cáo là vật không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa bị cáo Tô Thị Q có ý kiến không muốn nhận lại những đồ vật trên.

- Đối với 02 thẻ công tác mang tên Tô Thị Q; 01 giấy giới thiệu; 02 Công văn số 01/2025/TT-VAIDE; 01 tập phiếu thu; 01 sổ ghi chép bìa màu đỏ và 01 tập bìa màu vàng bên trong có 04 ảnh khổ A4 là vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án.

- Trả lại cho 24 bị hại số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng hiện đang bị phong tỏa trong tài khoản số 3519205153896 đứng tên bị cáo Nguyễn

Thị Th mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng hiện đang bị phong tỏa trong tài khoản số 00004212437 đứng tên bị cáo Tô Thị Q mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong, là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội để đảm bảo thi hành nghĩa vụ bồi thường.

Hủy bỏ việc phong tỏa đối với số tiền còn lại trong các tài khoản nêu trên do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 20.300.000đ *(Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng).* Số tiền bị thu giữ trong quá trình điều tra là 14.400.000đ (*Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*), trong đó gồm 11.500.000đ *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền trong tài khoản: trong tài khoản của Th có: 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng),* trong tài khoản của Q có: 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng)* và 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng)* tiền mặt. Trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện nộp mỗi người 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* để khắc phục hậu quả. Xác nhận tổng số tiền tạm giữ và tiền các bị cáo tự nguyện bồi thường là 20.400.000đ (*Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)* đã đảm bảo để thi hành án trả lại cho các bị hại. Sau khi hoàn trả toàn bộ số tiền 20.300.000đ *(Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng)* cho các bị hại, mỗi bị cáo được trả lại 50.000đ *(Năm mươi nghìn đồng).*

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong vụ án có 26 bị hại đều vắng mặt tại phiên toà, trong đó bị hại Lò Thị Th1 và bị hại Chu Văn B đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt. Lời khai trong hồ sơ vụ án và trong đơn xét xử vắng mặt của các bị hại thể hiện: 24 bị hại còn lại đều có nguyện vọng được hoàn trả lại số tiền bị chiếm đoạt và 26/26 bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị hại không có ý kiến khiếu nại, không có ý kiến gì khác.

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm dạy nghề VAIDE vắng mặt tại phiên toà. Lời khai trong hồ sơ vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện Trung tâm có giao nhiệm vụ cho Tô Thị Q đến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên giới thiệu, bán sản phẩm của trung tâm và kêu gọi hỗ trợ kinh phí (ủng hộ tiền mặt hoặc hiện vật, vật chất khác) cho trung tâm, cho phép Q sử dụng tên, con dấu, hình ảnh, uy tín của trung tâm khi kêu gọi hỗ trợ kinh phí. Tuy nhiên việc Tô Thị Q và Nguyễn Thị Th lợi dụng danh nghĩa Trung tâm để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Trung tâm không biết và cũng không cho phép các lợi dụng danh nghĩa của trung tâm để thực hiện hành vi lừa đảo, Trung tâm không được hưởng lợi từ hành vi của các bị cáo. Trung tâm không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, không có ý kiến gì khác.

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình N3 vắng mặt tại phiên toà. Lời khai trong hồ sơ vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: Anh Nghĩa là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển số 99C1-432.99, anh Nghĩa cho Q mượn xe nhưng không biết việc Q sử dụng chiếc xe làm phương tiện để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Anh Nghĩa đã nhận lại chiếc xe nên không có yêu cầu bồi thường, không có ý kiến gì khác.

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã khai nhận trong giai đoạn điều tra, truy tố. Bị cáo nhất trí Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các bị hại, những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên toà vắng mặt những người bị hại, những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan tuy nhiên những người tham gia tố tụng trên đều đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Xét sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/12/2025 đến ngày 26/12/2025 các bị cáo Tô Thị Q và Nguyễn Thị Th đã đến các trường học, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên gồm: Phường Điện Biên Phủ, xã Thanh Nưa, xã N thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt của nhiều bị hại bằng thủ đoạn: Lợi dụng danh nghĩa cộng tác viên của Trung tâm dạy nghề VAIDE sử dụng giấy tờ được cấp kết hợp với các album ảnh, sổ ghi chép để đưa ra thông tin gian dối về việc kêu gọi từ thiện cho trẻ khuyết tật nhằm tạo lòng tin để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân. Bị cáo Tô Thị Q đã thực hiện hành vi lừa đảo độc lập chiếm đoạt số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* của 02 bị hại, sau đó Q cùng với Th chiếm đoạt 20.300.000đ *(Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng)* của 24 bị hại.

Hành vi phạm tội cụ thể của từng bị cáo được phân định như sau: Bị cáo Tô Thị Q đã thực hiện hành vi lừa đảo độc lập, chiếm đoạt số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng)* của Lò Thị Th1 và Chu Văn B. Tiếp đó, bị cáo Q đã câu kết, đồng phạm cùng với bị cáo Th thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 20.300.000đ *(Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng)* của 24 bị hại khác. Như vậy, tổng số tiền bị cáo Tô Thị Q phải chịu trách nhiệm hình sự là 21.300.000đ *(hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng)* đối với 26 bị hại. Bị cáo Nguyễn Thị Th đã có hành vi đồng phạm cùng bị cáo Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 24 bị hại nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt 20.300.000đ (*Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng).*

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản ghi lời khai của các bị hại, Biên bản ghi lời khai của những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, Kết luận điều tra, Cáo trạng truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không có chứng cứ chứng minh các bị cáo không phạm tội. Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của các bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, an ninh trật tự của địa phương. Các bị cáo đã lợi dụng danh nghĩa của tổ chức, sử dụng hình ảnh, hoàn cảnh đáng thương của trẻ em khuyết tật – đối tượng yếu thế đặc biệt cần được xã hội bảo vệ và đùm bọc để khơi gợi lòng trắc ẩn, sự đồng cảm và tinh thần tương thân tương ái của các bị hại nhằm trục lợi bất chính, đây là việc làm vi phạm đạo đức xã hội, gây tổn hại nghiêm trọng đến niềm tin của cộng đồng, làm xói mòn các giá trị nhân đạo và gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân làm công tác kêu gọi vận động ủng hộ người yếu thế chính thống trên địa bàn. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo trước pháp luật.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Tô Thị Q giữ vai trò chính là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Thị Th đã tham gia tích cực và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo thủ đoạn mà Q đưa ra, do đó phải chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành.

[5] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo Tô Thị Q có nhân thân tốt, chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị Toà án kết tội. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng)* để khắc phục hậu quả cho các bị hại, bản thân bị cáo có bố là ông Tô Vũ Ót được tặng 01 Bằng khen do Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá năm 2007 và 01 Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam do Ban Chấp hành trung ương hội cựu chiến binh Việt Nam năm 2011; các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Tổng số tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo là 04 tình tiết. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Th có nhân thân tốt, chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị Toà án kết tội. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng)* để khắc phục hậu quả cho các bị hại; bản thân bị cáo có có anh trai là Nguyễn Văn Ngởi được Huy chương kháng chiến hạng Nhì do Chủ tịch nước cấp năm 2004; các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Tổng số tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo là 04 tình tiết. Bị cáo

có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự.

[6] Về hình phạt đối với bị cáo:

Từ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh luôn chấp hành tốt nghĩa vụ cam đoan, các bị cáo đều ăn năn về lỗi lầm của mình và mong muốn được sửa sai và tạo điều kiện đề bồi thường cho tất cả các bị hại. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo Tô Thị Q 02 (hai) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ. Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng mặc dù mỗi bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng nhưng có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định lần lượt tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Như vậy số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là 03 tình tiết, trong đó mỗi bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự. Căn cứ hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 thì các bị cáo hoàn toàn có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà có thể giao cho chính Q địa phương và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xử phạt các bị cáo với hình phạt cải tạo không giam giữ.

Theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo cùng liên đới bồi thường số tiền 20.300.000đ *(Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng)* đã chiếm đoạt của 24 bị hại, xác nhận số tiền thu giữ của các bị cáo và số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả đã đủ để thi hành án trả lại cho các bị hại. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Tô Thị Q cho các bị hại Lò Thị Th1, Chu Văn B, bị cáo đã bồi thường xong và các bị hại Lò Thị Th1, Chu Văn B đã nhận đủ số tiền, không có ý kiến gì khác.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Các vật chứng vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359186071882819 tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Th; 01 (một) điện thoại di động loại Iphone 7Plus, số IMEI: 355349080986005 tạm giữ của Tô Thị Q

đều công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Các vật chứng gồm: 02 (hai) thẻ công tác mang tên Tô Thị Q; 01 (một) giấy giới thiệu; 02 (hai) Công văn số 01/2025/TT-VAIDE; 01 (một) tập phiếu thu tất cả do Trung tâm dạy nghề VAIDE cấp; 01 (một) sổ ghi chép có bìa màu đỏ, ghi chép tên, địa chỉ, số tiền người ủng hộ; 01 (một) tập có bìa màu vàng, bên trong có 04 (bốn) bản ảnh khổ A4, mô tả hình ảnh của các trẻ em bị khuyết tật là vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án.

- 07 (bảy) bản ảnh lịch kích thước 45cm x 30cm; 14 (mười bốn) chiếc bút bi hãng thiên long; 14 (mười bốn) chiếc thước nhựa màu xanh, dài 25cm là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với số tiền mặt Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành số tiền 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng) tạm giữ của Tô Thị Q là tiền bị chiếm đoạt trái phép nên cần trả lại cho các bị hại.

- Đối với các tài khoản ngân hàng và số tiền đang bị phong tỏa của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* trong tài khoản số 3519205153896 của bị cáo Nguyễn Thị Th (mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank) và số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng)* trong tài khoản số 00004212437 của bị cáo Tô Thị Q (mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong – TPBank): Qua kết quả điều tra và tranh tụng tại phiên tòa xác định đây là số tiền có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tiếp tục quản lý số tiền này để trả lại cho 24 bị hại nhằm đảm bảo thi hành nghĩa vụ bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Đối với số tiền 4.099.369đ *(Bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng)* còn lại trong tài khoản số 00004212437 của bị cáo Tô Thị Q và số tiền 7.167.171đ *(Bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi mốt đồng)* còn lại trong tài khoản số 3519205153896 của bị cáo Nguyễn Thị Th: Qua kết quả xác minh và tranh tụng tại phiên tòa đã làm rõ đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, không cần thiết phải tiếp tục duy trì biện pháp phong tỏa đối với phần tài sản này. Cần căn cứ vào khoản 2 Điều 130 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để hủy bỏ một phần Lệnh phong tỏa tài khoản số 189/LPT-CSHS ngày 23/01/2026 và Lệnh phong tỏa tài khoản số 190/LPT-CSHS ngày 23/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, trả lại Q quản lý, sử dụng các số tiền nêu trên cho các bị cáo Tô Thị Q và Nguyễn Thị Th.

- Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Tô Thị Q có số 038177029707 do cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/02/2023 (hiện lưu trong hồ sơ vụ án) là giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Tô Thị Q.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha biển kiểm soát 99C1- 432.99 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và chìa khóa kèm theo, Cơ

quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định xử lý vật chứng số: 2126/QĐ-CSHS ngày 30/3/2026 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Đình N3. Việc trả lại tài sản là hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc mỗi bị cáo phải chịu mỗi người 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các vấn đề liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Đình N3 là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha biển số 99C1- 432.99, quá trình anh N3 cho bị cáo Q mượn chiếc xe trên không biết việc Q sử dụng chiếc xe làm phương tiện để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Trung tâm dạy nghề VAIDE giao nhiệm vụ cho Tô Thị Q đến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên giới thiệu, bán sản phẩm của trung tâm và kêu gọi hỗ trợ kinh phí (ủng hộ tiền mặt hoặc hiện vật, vật chất khác) cho trung tâm. Quá trình điều tra đã làm rõ Trung tâm không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về hành vi của Tô Thị Q mang theo bút, thước để bán kiếm lời: Bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối cho rằng bán hàng cho trung tâm nhằm mục đích dễ bán sản phẩm. Tuy nhiên, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm để xử lý về hình sự. Do Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt ra vấn đề xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[11] Về Q kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại, những người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan được Q kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 36, khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; điểm d khoản 1 Điều 125; khoản 2 Điều 130; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th cùng phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Tô Thị Q 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/01/2026 đến ngày 26/01/2026 là 22 (*Hai mươi hai)* ngày tương ứng với 66 (sáu mươi sáu) ngày cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Tô Thị Q phải chấp hành là 02 *(hai)* năm 09 *(chín)* tháng 24 (hai mươi tư) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 02 (hai) năm 09 (*chín)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/01/2026 đến ngày 26/01/2026 là 22 ngày tương ứng với 66 (sáu mươi sáu) ngày cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Nguyễn Thị Th phải chấp hành là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng 24 (hai mươi tư) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th cho Uỷ ban nhân dân xã Q, tỉnh Thanh Hoá để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính Q địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1.Chấp nhận việc bị cáo Tô Thị Q đã bồi thường cho 02 bị hại gồm:

(1) Chị Lò Thị Th2, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Thôn Cộng Hoà, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn)* đồng;

(2) Ông Chu Văn B, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Tổ 3, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn)* đồng.

3.2. Các bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th cùng liên đới bồi thường số tiền 20.300.000đ (*Hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng*) đã chiếm đoạt của 24 bị hại, gồm:

(1) Bà Hoàng Tuyết B2, sinh năm: 1975, nơi cư trú: Tổ 4, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng);*

(2) Ông Phạm Thành L1, sinh năm: 1983, nơi cư trú: Tổ 4, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);

(3) Chị Trần Thị L2, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Tổ 2, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng);*

(4) Chị Lê Thị G, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Tổ 5, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng);*

(5) Ông Bùi Văn Th3, sinh năm: 1947, nơi cư trú: Tổ 9, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng);*

(6) Chị Vũ Hồng T1, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Tổ 5, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng);*

(7) Chị Bùi Thị A, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Tổ 8, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 2.000.000đ *(hai triệu đồng);*

(8) Ông Lương Đình T2, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng);*

(9) Ông Trần Huy H1, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Bản Huổi Phạ, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng);

(10) Ông Trần Bá U, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Tổ 11, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 3.000.000đ *(ba triệu đồng);*

(11) Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Tổ 9, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng)*;

(12) Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1970, nơi cư trú: Tổ 10, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng);*

(13) Bà Phạm Thị H2, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng);*

(14) Anh Trần Văn H3, sinh năm:1976, nơi cư trú: Tổ 10, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng);*

(15) Chị Dương Thị H4, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Tổ 7, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng);*

(16) Bà Cao Thị Đ, sinh năm: 1970, nơi cư trú: Tổ 7, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ *(một triệu đồng);*

(17) Chị Đinh Thị Th9, sinh năm:1988, nơi cư trú: Tổ 9, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng);

(18) Ông Phùng Việt H5, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Tổ 6, xã N, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng);*

(19) Bà Đinh Thị Thu H6, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Tổ 6, xã N, tỉnh Điện Biên, số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng);*

(20) Ông Nguyễn Quang H7, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Tổ 4, xã N, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng);*

(21) Chị Trịnh Thị Thuỷ, sinh năm: 1992, nơi cư trú: Bản Nà Hỳ 2, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên, số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*);

(22) Ông Trịnh Hoàng Th6, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Tổ 2, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*);

(23) Bà Mai Việt Hà, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Tổ 11, xã N, tỉnh Điện Biên, số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

(24) Chị Kháng Mai Th7, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Tổ 4, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, số tiền 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng).*

Số tiền thu giữ của các bị cáo và số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả đã đủ để thi hành án trả lại cho các bị hại. Trả lại cho bị cáo Tô Thị Q 50.000đ *(Năm mươi nghìn đồng)* và bị cáo Nguyễn Thị Th 50.000đ *(Năm mươi nghìn đồng)* là số tiền bị cáo còn thừa còn lại sau khi đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại.

4. Về biện pháp ngăn chặn:

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh đối với các bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th theo các Quyết định áp dụng biện pháp bảo lĩnh số 31/2026/QĐ-TA và 32/2026/QĐ-TA, cùng ngày 19/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th theo các Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 03/2026/QĐ-TA và 04/2026/QĐ-TA, cùng ngày 19/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên.

5. Về vật chứng vụ án:

Tịch thu sung quỹ: 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359186071882819 tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Th; 01 (một) điện thoại di động loại Iphone 7Plus, số IMEI: 355349080986005 tạm giữ của Tô Thị Q;

Đối với 02 thẻ công tác mang tên Tô Thị Q; 01 giấy giới thiệu; 02 Công văn số 01/2025/TT-VAIDE; 01 tập phiếu thu; 01 sổ ghi chép bìa màu đỏ và 01 tập bìa màu vàng bên trong có 04 ảnh khổ A4 là vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án.

Tịch thu tiêu hủy: 07 *(bảy)* bản ảnh lịch kích thước 45cm x 30cm; 14 (*mười bốn)* chiếc bút bi hãng Thiên Long; 14 *(mười bốn)* chiếc thước nhựa màu xanh, dài 25cm không còn giá trị sử dụng.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/5/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên).

Trả lại cho bị cáo Tô Thị Q 01 (một) Căn cước công dân mang tên Tô Thị Q, số căn cước công dân: 038177029707 cấp ngày 15/02/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Trả lại cho các bị hại số tiền 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng) đang được gửi tại Kho bạc nhà nước khu vực X (*theo Biên bản giao nhận tài sản số 5.02.01/2026/BBBH-CQCSĐT ngày 05/02/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Kho bạc nhà nước khu vực X, tỉnh Điện Biên)*.

Tiếp tục phong tỏa số tiền liên quan đến hành vi phạm tội để đảm bảo thi hành nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại bao gồm: Số tiền 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)* đang bị phong tỏa trong tài khoản số 00004212437 đứng tên bị cáo Tô Thị Q

mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong –TPBank theo lệnh phong tỏa tài khoản số 189/LPT – CSHS ngày 23/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và số tiền 4.500.000đ *(bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* trong tài khoản số 3519205153896 đứng tên bị cáo Nguyễn Thị Th mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 190/LPT-CSHS ngày 23/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và.

Hủy bỏ một phần Lệnh phong tỏa tài khoản số 189/LPT-CSHS ngày 23/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đối với số tiền 4.099.369đ *(Bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng)* cùng tiền lãi phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 00004212437 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong đứng tên bị cáo Tô Thị Q và trả lại cho bị cáo Q số tiền nêu trên.

Hủy bỏ một phần Lệnh phong tỏa tài khoản số 190/LPT-CSHS ngày 23/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đối với số tiền **7**.167.171đ *(Bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi mốt đồng)* cùng tiền lãi phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 3519205153896 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đứng tên bị cáo Nguyễn Thị Th và trả lại cho bị cáo Th số tiền trên.

6. Về án phí:

Bị cáo Tô Thị Q, Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về Q kháng cáo:

- Bị cáo có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/7/2026).

- Các bị hại có Q kháng cáo bản án, những người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có Q kháng cáo phần bản án có liên quan đến Q lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh ĐB (Phòng GĐ KT, TT & THA);
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 4 – Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- PC 02 Công an tỉnh Điện Biên;
- PC 10 (THAHS) CA tỉnh Điện Biên;
- PC 10 (THAHS) CA tỉnh Thanh Hóa;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Những người có QL&NVLQ;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đao Thị Bích Thảo